

TÌM HIỂU ĐỘNG CƠ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG A LƯỚI, TỈNH THỪA THIÊN - HUẾ

○ TRẦN NGUYỄN KHÁNH PHONG*

Động cơ là một hiện tượng tâm lý phức tạp, có ý nghĩa đặc biệt đối với cuộc sống con người. Động cơ là một thành tố chủ yếu trong cấu trúc hoạt động, thúc đẩy con người hoạt động, là động lực cho sự phát triển năng lực, hoàn thiện nhân cách ở mỗi cá nhân. Chỉ trong quá trình con người tham gia hoạt động, động cơ mới được hình thành.

Với học sinh (HS), học tập là một hoạt động chủ đạo. Trong đó, động cơ học tập (ĐCHT) là một yếu tố tâm lý quan trọng. Nếu người học xây dựng được ĐCHT đúng đắn sẽ góp phần mang lại kết quả cao trong học tập, tích cực tự giác trong việc lĩnh hội tri thức và ngược lại.

A Lưới là một trong những huyện vùng cao của tỉnh Thừa Thiên - Huế, điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn. HS Trường THPT A Lưới cũng chịu nhiều thiệt thòi hơn so với HS các vùng khác. Những năm gần đây, trường đã thực hiện đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy - học tập cho toàn thể giáo viên (GV) và HS. Tuy nhiên, chuyển biến chưa thực sự rõ nét, vẫn còn nhiều HS chưa tích cực, nỗ lực, vượt khó trong học tập; một bộ phận còn thụ động, đi học với thái độ đối phó và không ít HS đã bỏ học. Theo cảm nhận của chúng tôi, HS Trường THPT A Lưới chưa hứng thú với việc học; do vậy, chúng tôi luôn trăn trở với câu hỏi: HS Trường THPT A Lưới học tập vì mục đích gì? Động cơ nào khiến các em đi học cũng như chưa quan tâm đến học tập?

Để tìm hiểu ĐCHT của HS Trường THPT A Lưới, năm học 2009-2010, chúng tôi khảo sát trên ba mặt: nhận thức, thái độ và hành vi học tập của HS; đồng thời, khảo sát ý kiến đánh giá của GV về ĐCHT của HS. Kết quả (xem bảng 1).

Bảng 1 cho thấy: Hầu hết GV đánh giá cao tầm quan trọng của ĐCHT của HS (100%). Có ý kiến cho rằng: «Động cơ rất quan trọng với mỗi người dù ở lĩnh vực nào, ngành nghề nào. Với

Bảng 1. Nhận thức về vai trò ĐCHT ở GV và HS

Tiêu chí đánh giá	GV	HS
	Số lượng (%)	Số lượng (%)
Quan trọng	50 (100)	221 (92,8)
Bình thường	00 (00)	19 (7,92)
Không quan trọng	00 (00)	00 (00)
Tổng cộng	50 (100)	240 (100)

HS, việc nhận thức được tầm quan trọng của ĐCHT là điều cần thiết để các em định hướng thái độ của mình đối với việc học. Vì thế, GV có vai trò rất quan trọng trong việc giúp HS hình thành ĐCHT đúng đắn và điều chỉnh thái độ, hành vi của mình”.

Về phía HS, đa số đã đánh giá đúng tầm quan trọng của ĐCHT đối với việc học tập của bản thân (92,08%). Theo các em, động cơ thúc đẩy việc học tập để chiếm lĩnh tri thức, hình thành kỹ năng, nhờ đó, các em có thể thi vào đại học, có nghề nghiệp ổn định, phù hợp với khả năng và niềm say mê của bản thân.

Bên cạnh những HS có nhận thức đúng đắn về động cơ và tầm quan trọng của học tập, vẫn còn một số HS chưa nhận thức được điều này (7,92%). Một HS tâm sự: «Em vẫn không biết mình học vì cái gì? Hay đơn giản chỉ vì đó là yêu cầu của gia đình»? Phải chăng, vì không thật sự yêu thích việc học tập, không có động cơ tích cực thúc đẩy nên các em không có thái độ và hành vi học tập tích cực? Cũng cần lưu ý rằng, không phải những HS xếp vào hàng cá biệt mới không có ĐCHT đúng đắn, ngay cả những HS hiền lành, ít khi bỏ học, bỏ tiết, tham gia đầy đủ những hoạt động do nhà trường, lớp tổ chức, song vẫn không nhận thức được tầm quan trọng của ĐCHT. Một HS cho biết: «Từ khi đi học đến giờ, em đều hoàn thành các yêu cầu của GV, nếu không làm được bài tập thì để đấy, lên lớp cô chữa, chép vào, chứ không hỏi ai cũng không đọc sách tham khảo.

* Trường THPT A Lưới, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên - Huế

Em không bỏ tiết, bỏ học, nhưng đến giờ em cũng không hiểu em học tập vì điều gì?”

So sánh nhận thức của GV và HS, chúng tôi nhận thấy, đa số GV quan niệm: ĐCHT là một nhân tố quan trọng thúc đẩy HS học tập. Tuy nhiên, không phải với tất cả HS ĐCHT đều quan trọng, vẫn còn một số HS nhận thức lệch lạc nên tỏ ra thờ ơ, không quan tâm đến việc học hoặc bỏ học. GV cần đặc biệt quan tâm hơn đến đối tượng này, bồi dưỡng ĐCHT cho các em, giúp các em hình thành ước mơ, lí tưởng bằng con đường học vấn.

Nhận thức được tầm quan trọng của ĐCHT, vậy, HS học tập vì động cơ gì? Kết quả điều tra cho thấy: «Phần lớn ĐCHT của các em đều hướng đến việc thi vào đại học, có nghề nghiệp ổn định để thoát khỏi cảnh lao động chân tay vất vả như cha mẹ các em». Một HS cho biết: «Em học để nắm thật chắc tri thức tất cả các môn, mà trên hết là những môn dự định thi vào đại học sau này. Bố mẹ em đã rất vất vả nuôi dạy các em ăn học, vì thế em rất muốn sau này mình sẽ có công việc ổn định để có thể nuôi sống bản thân, sau nữa là ba mẹ em cũng vui lòng vì sự thành đạt của con cái».

Khảo sát GV về ĐCHT của HS, nhiều GV cũng đồng ý rằng, đa số HS học tập vì muốn nắm chắc tri thức, mở rộng hiểu biết của bản thân, có cơ hội vào đại học... Như vậy, ở đây có sự thống nhất trong nhận thức giữa GV và HS trong việc nhìn nhận các yếu tố thúc đẩy ĐCHT, cho thấy khả năng thâm nhập và hiểu đời sống tâm lí HS của GV là tương đối chính xác.

Vậy, HS lựa chọn hình thức học tập nào để có thể hoàn thành việc học của bản thân? Thực tế, môn học nào càng có nhiều hình thức học tập sinh động, hấp dẫn càng dễ gây được hứng thú cho HS và HS sẽ có nhu cầu nhận thức về nó. Do đó, chúng tôi tiến hành khảo sát với 5 hình thức

học tập cơ bản: nghe, ghi chép khi GV giảng bài; giải bài tập, làm thêm bài nâng cao, ôn tập; đọc sách, tài liệu tham khảo; trao đổi nhóm, tranh luận; thực hành ở lớp, phòng thí nghiệm. Kết quả (xem bảng 2).

Bảng 2. Yếu tố kích thích HS tích cực thực hiện các hình thức học tập

Hình thức	Yếu tố kích thích (%)								
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Nghe, ghi chép khi GV giảng bài	100	98,75	99,16	98,3	49,16	90,83	97,92	99,58	90,42
Giải bài tập, làm thêm bài nâng cao, ôn tập	92,5	88,75	47,75	89,16	43,75	52,08	89,16	89,58	76,25
Đọc sách, tài liệu tham khảo	80,83	85	34,58	84,58	71,66	67,08	90	67,08	65,42
Trao đổi nhóm, tranh luận	43,75	96,25	90,42	52,08	96,67	98,33	76,25	5	94,16
Thực hành ở lớp, phòng thí nghiệm	73,33	67,5	92,5	74,17	90	94,58	66,25	3,33	45

Chú thích: 1: Mở rộng kiến thức, học thêm nhiều điều mới lạ; 2: Đạt điểm cao hơn bạn; 3: Thực hiện yêu cầu của GV; 4: Củng cố tri thức; 5: Khẳng định mình trước thầy cô và bạn bè; 6: Rèn luyện khả năng diễn đạt, trình bày trước lớp; 7: Nhớ và hiểu bài tốt hơn; 8: Chuẩn bị cho các kì thi; 9: Không muốn thua kém bạn bè.

Có thể thấy, trong 5 hình thức trên, nghe, ghi chép khi GV giảng bài vẫn là hình thức chi phối toàn bộ các lí do kích thích. Trao đổi với một số HS, các em cho biết: nếu muốn «mở rộng kiến thức; học thêm nhiều điều mới lạ; đạt điểm cao hơn bạn; thực hiện yêu cầu của GV; củng cố tri thức»,... thì trong quá trình GV giảng bài, HS phải biết lắng nghe và ghi chép đầy đủ.

Các động cơ thuộc về cá nhân (đạt điểm cao hơn bạn, khẳng định mình trước thầy cô và bạn bè, không muốn thua kém bạn bè) cũng kích thích các em thực hiện cả 5 hình thức học tập, song hình thức «trao đổi nhóm, tranh luận» được HS lựa chọn nhiều nhất. Tranh luận sẽ thể hiện được khả năng bản thân, những HS tích cực tranh luận luôn nằm trong «tầm ngắm» của GV cho các vị trí cán sự lớp. Một số GV cho biết, nhiều khi các em tranh luận rất gay gắt, dẫn đến việc chia ra các phe nhóm để bảo vệ chính kiến của mình. Tranh luận thực sự là cơ hội để các em rèn luyện năng lực, bản lĩnh tự tin của bản thân; tuy nhiên, điều này cũng dễ khiến một số thành viên có thái độ ganh tị, mặc cảm hoặc kiêu ngạo, tự mãn; đặc biệt, những HS dân tộc thiểu số dễ cảm thấy bị tổn thương vì những ý kiến của các em ít lời cuốn được các bạn trong lớp. Do vậy, GV cần có sự kết nối giữa các thành viên để việc tranh luận không ảnh hưởng đến bầu không khí học tập và tinh thần đoàn kết chung của lớp.

(Xem tiếp trang 16)

Bảng 1. Các KN cơ bản trong QL và lãnh đạo

QL	Lãnh đạo
<p>Lập kế hoạch và ngân sách Thiết lập các bước chi tiết và thời gian biểu để đạt được các kết quả cần thiết, kế tiếp quy định các nguồn lực cần thiết để thực hiện</p> <p>Tổ chức và nhân sự Thiết lập một cấu trúc để thực hiện kế hoạch yêu cầu, sắp xếp nhân viên vào các vị trí, ủy quyền các trách nhiệm và quyền hạn để thực hiện kế hoạch, cung cấp chính sách và thủ tục để hỗ trợ hướng dẫn mọi người và tạo dựng các phương pháp hoặc hệ thống kiểm tra việc thực hiện</p> <p>Kiểm tra và giải quyết vấn đề Kiểm tra kết quả, xác định biến thể của kế hoạch và lập kế hoạch, tổ chức giải quyết các vấn đề này.</p>	<p>Xây dựng phương hướng Xây dựng tầm nhìn về tương lai – thường là một tương lai xa – chiến lược tạo ra sự thay đổi cần thiết để đạt được tầm nhìn</p> <p>Tổ chức nhóm hoạt động Định hướng cho tất cả mọi người hoạt động hợp tác cần thiết để tạo ảnh hưởng đến sự thiết lập các nhóm làm việc và liên kết phối hợp</p> <p>Tạo động lực và khuyến khích sự phát triển Tạo động lực cho mọi người vượt qua các rào cản về nguồn lực, quan liêu, chính trị để thay đổi bằng cách đáp ứng các nhu cầu con người mang tính cơ bản nhưng ít khi được đáp ứng.</p>

nâng cao hiệu quả bao gồm 7 KN: QL nhóm; đánh giá và huấn luyện; xử lý những nhân viên có vấn đề (xử lý xung đột); giải quyết khủng hoảng; phát triển nghề nghiệp; trở thành nhà lãnh đạo; QL chiến lược.

Việc tổng hợp KN QL theo các cách tiếp cận dễ dàng cho phép tổng hợp lại và sắp xếp thành các nhóm KN cơ bản trong đó bao hàm các KN cụ thể cần áp dụng cho người HT trong việc QL trường THCS. □

hành; giám sát; tổ chức kiểm tra; đánh giá; phản hồi kết quả.

4) Tiếp cận theo quan điểm «QL hiệu quả»

Theo cẩm nang kinh doanh Harvard trình bày về các giải pháp kinh doanh hiệu quả và thực tiễn nhất, các tác giả đã đưa ra hai nhóm KN QL hiệu quả: * Nhóm KN QL cơ bản gồm 5 KN: thiết lập mục tiêu; tuyển dụng người tài; giữ chân người giỏi; giao phó; QL thời gian; * Nhóm KN

Tài liệu tham khảo

1. Luật Giáo dục năm 2005.
2. Duignan - P A & Macpherson - R J S. **Educative leadership: a practical theory for new administrators and managers**, London, Falmer Press. 1992.
3. Giovanni - T J. **Moral Leadership. Getting to the Heart of School Improvement**, San Francisco, Jossey-Bass. 1992.
4. Sergiovanni, T J. **The Headteachership: a Reflective Practice Perspective**, Boston, Allyn and Bacon. 1995.

Tìm hiểu động cơ học tập...

(Tiếp theo trang 20)

Nhìn chung, các động cơ kích thích HS tích cực thực hiện cả 5 hình thức học tập còn rất ít và mức độ thực hiện cũng khác nhau. Chẳng hạn, khi bước vào các kì thi học kì, đa số HS đều lựa chọn hình thức nghe giảng và ghi chép bài đầy đủ; hay để nhớ và hiểu bài tốt hơn cần phải tranh luận, thực hành ở lớp, ở phòng thí nghiệm nhưng các hình thức này đòi hỏi sự chuẩn bị chu đáo, quy trình thực hiện tương đối phức tạp nên các em không quan tâm lắm.

Mặt khác, thời lượng và nội dung chương trình học hiện nay có thể nói là quá tải, thời gian học trên lớp gấp gáp, không đủ để thảo luận cho thật cặn kẽ một vấn đề nào đó. Ngoài ra, cơ sở vật chất của Trường A Lưới còn nghèo nàn, lạc hậu, rất khó để các em tiến hành thí nghiệm nhiều lần với đối tượng HS tương đối lớn. Đó cũng là những hạn chế làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các hình thức học tập của HS.

Hi vọng rằng kết quả nghiên cứu trên là cơ sở để Ban giám hiệu cũng như Hội đồng sư phạm

nhà trường có những định hướng và chính sách đúng đắn để thu hút HS tích cực học tập. Đối với Trường THPT A Lưới, tỉ lệ 80% HS là người dân tộc thiểu số (Tà Ôi, Pa Cô, Pa Hy, Kơ Tu và Bru Vân Kiều) thì việc tiếp cận ĐCHT của HS là một việc làm cấp thiết và thiết thực để hướng các em có ĐCHT tốt hơn trong những năm học tới. □

Tài liệu tham khảo

1. Hồ Ngọc Đại. **Tâm lí học dạy học**. NXB Giáo dục, H. 1983.
2. Lê Đăng Hoàn. **Nghiên cứu động cơ học tập của sinh viên Khoa sư phạm Trường Đại học Hà Tĩnh**. Luận văn thạc sĩ Tâm lí học. Trường Đại học sư phạm - ĐH Huế, 2007.
3. Lê Văn Hồng (chủ biên) - Nguyễn Văn Thành - Lê Ngọc Lan. **Tâm lí học lứa tuổi và Tâm lí học sư phạm**. NXB Đại học, H. 1998.
4. Đào Thị Oanh. "Đặc điểm động cơ học tập của học sinh năng khiếu trung học cơ sở". Tạp chí *Nghiên cứu giáo dục*, số 12, 1997.
5. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên) - Trần Hữu Luyến - Trần Quốc Thành. **Tâm lí học đại cương** (Tài liệu dùng cho các trường ĐHSP và CĐSP). NXB Giáo dục, H. 1997.
6. Nguyễn Khắc Viện (chủ biên). **Từ điển Tâm lí**. NXB Thế giới, H. 1991.